

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2019/DS-PT
Ngày: 08-3-2019
V/v “Tranh chấp quyền sử dụng
đất, yêu cầu hủy giấy chứng
nhận quyền sử dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tống Văn Viên
Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Văn Hoàng Vân
Ông Huỳnh Đắc Dương

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Thạch Huỳnh Liêm – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Ái Minh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh, tiến hành mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 88/2018/TLPT-DS, ngày 17 tháng 8 năm 2018 về việc: “*Tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án sơ thẩm số: 08/2018/DS-ST ngày 21/6/2018 của Tòa án nhân dân thị xã DH bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2019/QĐ-PT ngày 11 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Ông Huỳnh Văn H, sinh năm 1937 (Chết 30/01/2010)

Địa chỉ: ấp 15, xã LH, thị xã DH, tỉnh Trà Vinh

Người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của ông Huỳnh Văn H:

- Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1941 (Có đơn xin vắng)
- Bà Huỳnh Thị Th, sinh năm 1965 (Có đơn xin vắng)
- Bà Huỳnh Xuân H, sinh năm 1970 (Có đơn xin vắng)
- Ông Huỳnh Văn Q, sinh năm 1967 (Có đơn xin vắng)
- Ông Huỳnh Văn M, sinh năm 1976 (có mặt)
- Ông Huỳnh Văn S, sinh năm 1978 (có mặt)
- Ông Huỳnh Quốc T, sinh năm 1986 (Có đơn xin vắng)

- Ông Huỳnh Văn Th, sinh năm 1973 (có mặt)
Cùng địa chỉ: ấp 15, xã LH, thị xã DH, tỉnh Trà Vinh.

2. Bị đơn:

- Ông Trương Văn V, sinh năm 1951 (có mặt)
Địa chỉ: ấp GT, xã LT, thị xã DH, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp cho ông V có ông Thạch Huỳnh Nh, sinh năm 1992, Địa chỉ: ấp ĐT, xã LH, huyện CTh, tỉnh Trà Vinh theo văn bản ủy quyền ngày 04-9-2018 (có mặt)

- Ông Nguyễn Văn Ch, sinh năm 1968 (có mặt)
Địa chỉ: ấp GT, xã LT, thị xã DH, tỉnh Trà Vinh.

- Ông Lê Văn N, sinh năm 1976. Địa chỉ: ấp GT, xã LT, thị xã DH, tỉnh Trà Vinh (Có đơn xin vắng)

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Ủy ban nhân dân thị xã DH, tỉnh Trà Vinh. Địa chỉ: Khóm 1, phường 1, thị xã DH, tỉnh Trà Vinh. (Có đơn xin vắng)

- Bà Nguyễn Thị V (Tám), sinh năm 1953 (có mặt)

- Bà Trương Thị Hồng R, sinh năm 1987 (có mặt)

- Ông Trương Văn T, sinh năm 1981 (vắng)

Cùng địa chỉ: ấp GT, xã LT, thị xã DH, tỉnh Trà Vinh.

- Bà Hà Thị B, sinh năm 1967 (vắng)

- Chị Nguyễn Thị Thúy Ng, sinh năm 1993 (vắng)

Cùng địa chỉ: ấp GT, xã LT, thị xã DH, tỉnh Trà Vinh.

- Ông Phan Văn L, sinh năm 1964 (Có đơn xin vắng)

Địa chỉ: ấp GT, xã LT, thị xã DH, tỉnh Trà Vinh.

- Anh Nguyễn Văn Thắng, sinh năm 1997 (vắng)

Địa chỉ: ấp GT, xã LT, thị xã DH, tỉnh Trà Vinh.

4. Người kháng cáo: Ông Trương Văn V và Ông Nguyễn Văn Ch là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07/4/2006 của ông Huỳnh Văn H, lời trình bày bản tự khai của ông Huỳnh Văn Th là người đại diện cho các đồng thừa kế của Huỳnh Văn H trình bày: Nguồn gốc đất 16.590m² thửa đất 35 tọa lạc ấp GT, xã LT, thị xã DH, tỉnh Trà Vinh là đất rừng do ông Huỳnh Văn H khai phá vào năm 1975 và sử dụng đến năm 1998 ông H được Ủy ban nhân thị xã DH cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khi đào ao nuôi tôm, ông V, bà tám đào ao lấn chiếm qua đất ông 2000m² nên ông yêu cầu ông V, bà Tám trả đất.

Tại bản án sơ thẩm số 67 ngày 22/10/2007 Tòa án nhân dân huyện DH đã xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn H. Sau khi xét xử sơ thẩm ông H kháng cáo, tại bản án phúc thẩm số 04 ngày 07/01/2009 Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh đã tuyên hủy toàn bộ án sơ thẩm, giao hồ sơ cho Tòa án huyện DH giải quyết lại.

Quá trình giải quyết vụ án, ngày 22/4/2009 ông Huỳnh Văn H có đơn khởi kiện bổ sung, yêu cầu ông V trả 3.170m², yêu cầu ông L trả 2.300m², yêu cầu Ông Ch trả 438m², yêu cầu ông Nh trả 900m², yêu cầu ông V, Chiến, Nh liên đới bồi thường thiệt hại cho ông 9.000.000 đồng.

Ngày 18/01/2010 ông H thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông V trả 9.180m², ông L trả 5.230m², Ông Ch trả 2.180m². ngày 01/2/2010 ông H rút đơn khởi kiện đối với ông Nh, rút yêu cầu bồi thường thiệt hại 9.000.000 đồng. Ngày 30/01/2010 ông H chết. Ngày 23/7/2012 ông Huỳnh Văn Th đại diện cho những người kế thừa quyền của ông H rút yêu cầu khởi kiện đối với ông Phan Văn L, ông L rút đơn yêu cầu độc lập.

Ngày 28/5/2014 những người kế thừa quyền nghĩa vụ của ông Huỳnh Văn H có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu ông V trả 10.384,9m², yêu cầu Ông Ch trả lại 2.180m². Trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa ông Huỳnh Văn Th đại diện cho người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng ông H trình bày: Nguồn gốc đất do cha ông khai phá sử dụng từ năm 1975 đến năm 1985 có chủ trương đưa đất vào tập đoàn nhưng đất không đưa vào tập đoàn mà gia đình ông vẫn sử dụng. Khi ra tập đoàn gia đình ông tiếp tục sử dụng, ông H kê khai đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quá trình sử dụng đất liền kề ông V có xin đường nước xỏ ra sông chiều ngang 02 mét, dài đến mé sông Giồng TRm, khoảng năm 2000, ông V dùng máy Kobe mở rộng ao tôm như hiện nay. Qua Nhiều lần đo đạc ông V cho rằng trong diện tích 16.590m² thửa 35 có 10.384,9m² của ông V. Đối với Ông Ch tự ý mở đường nước xỏ ra sông cùng thời gian với ông V. Ông Ch cho rằng trong tổng diện tích 16.590m² thửa 35 có 1.681,6m² của Ông Ch, đại diện những người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của ông H, ông Th yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện đối với ông Phan Văn L, ông Nguyễn Văn Nh; Rút toàn bộ yêu cầu bồi thường 10.500.000 đồng đối với ông V, ông L, ông Nh.

- Đồng ý cho hộ Ông Ch, Bà B tiếp tục sử dụng diện tích 1.681,6m² làm lối xỏ nước nuôi tôm nhưng phải trả giá trị đất 24.000.0000 đồng/m².

- Yêu cầu ông V, bà Tám trả diện tích 8.119,1m đất lá, diện tích 902,2m ông V đào ao nuôi tôm yêu cầu trả giá trị đất 24.000.0000 đồng/m². Thống nhất giành cho ông V một lối xỏ nước khác tiếp giáp với diện tích 1.681,6m giao cho Ông Ch sử dụng chiều ngang 20 mét dài ra sông Giồng tRm nhưng buộc hộ ông V phải trả giá trị đất 24.000.0000 đồng/m².

Tại đơn phản tố ngày 01/12/2016, trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn

ông Trương Văn V trình bày: Nguồn gốc đất tranh chấp có đưa vào tập đoàn hay không thì ông không biết, cũng không thấy giao khoán đất cho ai, sau khi ra tập đoàn ngày 26/4/1989 ông được Ủy ban nhân dân xã LT giao diện tích 40.000m² đất rừng. Trong biên bản giao đất ghi hướng nam chiều ngang 60 mét chạy dài đến giáp sông Giồng TRm nhưng thực tế không đo đạc, năm 1994 gia đình ông đào ao nuôi tôm trên đất được giao và đặt cống thoát nước ra sông Giồng TRm qua đất tranh chấp như hiện nay, ngoài lối dẫn nước này không còn lối nào khác, lá dừa nước tự mọc không ai trồng, ngày 08/8/1995 ông được Ủy ban huyện DH cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 40.090m² thửa 36, tờ bản đồ số 3. Ông V cho rằng đất ông được cấp 30.000m², còn đất đổi ông nhận 20.000m² không phải 10.000m² như trình bày trước đây, ông không đồng ý trả đất và giá trị đất, yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 35 của ông H, yêu cầu công nhận cho ông diện tích 16.590m² thửa 35 thuộc quyền sử dụng của gia đình ông.

Tại đơn yêu cầu phản tố ngày 01/12/2016, ngày 08/12/2017, bị đơn Ông Nguyễn Văn Ch trình bày: Ngày 06/4/1989 ông được đại diện Ủy ban nhân dân xã LT cấp 1,5 ha đất rừng, năm 1995 ông được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất 37 diện tích 17.990m², biên bản giao đất ghi phía nam giáp sông Giồng TRm. Ông có kê khai đăng ký, năm 1993 đào ao nuôi tôm trên đất được giao, và đặt cống thoát nước ra sông Giồng TRm qua đất tranh chấp như hiện nay, ngày 08/8/1995 ông được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 17.990m² thửa 37, tờ bản đồ số 3. Ông không đồng ý trả đất, yêu cầu công nhận 1.681,6m² trong diện tích 16.590m² thửa 35, tờ bản đồ số 3 của ông H thuộc quyền sử dụng của ông. Đối với diện tích chênh lệch 427,2m² do đo không chính xác, xin rút lại yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông H.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị V thống nhất với lời trình bày của ông V.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân thị xã DH trình bày: Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 35, tờ bản đồ số 3 diện tích 16.590m²; cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 36, tờ bản đồ số 3 diện tích 40.090m²; cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 37, diện tích 17.990m² đúng trình tự thủ tục, đối tượng.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 08/2018/DS-ST ngày 21/6/2018 của Tòa án nhân dân thị xã DH đã xử: Căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39; các điều 74, 147, 157, 165, 228 và Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ các điều 2, 3 Luật đất đai năm 1993; các điều 100, 166 và 203 của Luật đất đai năm 2013; Điều 252, 468 Bộ luật Dân sự. Căn cứ Nghị định số 70/CP ngày 12/6/1997 của Chính phủ về án phí, lệ phí Tòa án; Điều 12, 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn H và người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Huỳnh Văn H yêu cầu hộ ông Nguyễn Văn Ch, Bà Hà Thị B hoàn trả tiền giá trị quyền sử dụng đất diện tích $1.681,6\text{m}^2$ nằm trong thửa 35, diện tích 16.590m^2 . Yêu cầu hộ ông Trương Văn V, bà Nguyễn Thị Voi (Tám) hoàn trả tiền giá trị quyền sử dụng đất diện tích $2.265,8\text{m}^2$ và trả diện tích đất $8.119,1\text{m}^2$ nằm trong thửa 35, diện tích 16.590m^2 tọa lạc ấp GT, xã LT, thị xã DH, tỉnh Trà Vinh.

2. Đình chỉ xét xử việc ông Phan Văn L rút yêu cầu độc lập với ông Huỳnh Văn H. Đình chỉ xét xử việc ông Huỳnh Văn H rút yêu cầu khởi kiện đối với ông Lê Văn Nh. Đình chỉ xét xử việc ông Huỳnh Văn Th đại diện cho những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông H rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện tranh chấp về đất đối với ông Phan Văn L, ông Lê Văn Nh, rút toàn bộ yêu cầu tranh chấp số tiền 10.500.000 đồng đối với ông Trương Văn V, Ông Nguyễn Văn Ch, ông Phan Văn L, ông Lê Văn Nh và đình chỉ xét xử việc Ông Nguyễn Văn Ch rút một phần yêu cầu phản tố đối với diện tích $427,2\text{m}^2$ đất chênh lệch ($2.108,8\text{m}^2 - 1.681,6\text{m}^2$) đối với kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông H.

3. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Trương Văn V yêu cầu công nhận diện tích đất $10.384,9\text{m}^2$ nằm trong diện tích 16.590m^2 loại đất cây lâu năm, thửa 35, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp GT, xã LT, thị xã DH, tỉnh Trà Vinh thuộc quyền sử dụng của ông.

3.1 Giao cho hộ ông Trương Văn V, bà Nguyễn Thị T được tiếp tục sử dụng diện tích $902,2\text{m}^2$ đất (Phần C) tranh chấp nằm trong diện tích 16.590m^2 loại đất cây lâu năm, thửa 35, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp GT, xã LT, thị xã DH, tỉnh Trà Vinh.

3.2 Giao cho hộ ông Trương Văn V, bà Nguyễn Thị T được tiếp tục sử dụng diện tích $1.363,6\text{m}^2$ đất (Phần D) làm đường xả nước nằm trong diện tích 16.590m^2 loại đất cây lâu năm, thửa 35, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp GT, xã LT, thị xã DH, tỉnh Trà Vinh.

3.3 Buộc hộ ông Trương Văn V, bà Nguyễn Thị T, anh Trương Văn Tuấn, chị Trương Thị Hồng R có trách Nhiệm giao trả cho những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Huỳnh Văn H diện tích $8.119,1\text{m}^2$ nằm trong thửa 35, diện tích 16.590m^2 tọa lạc ấp GT, xã LT, thị xã DH, tỉnh Trà Vinh.

(Vị trí diện tích $902,2\text{m}^2$ đất (Phần C); diện tích $1.363,6\text{m}^2$ đất (Phần D) và diện tích $8.119,1\text{m}^2$ được xác định theo Sơ đồ khu đất kèm theo bản án này).

3.4 Buộc hộ ông Trương Văn V, bà Nguyễn Thị T, anh Trương Văn Tuấn, chị Trương Thị Hồng R có trách Nhiệm hoàn trả tiền giá trị quyền sử dụng đất diện tích $1.363,6\text{m}^2$ và diện tích $902,2\text{m}^2$ cho những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Huỳnh Văn H bằng số tiền 54.379.200 đồng.

4. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn Ông Nguyễn Văn Ch yêu cầu công nhận diện tích $1.681,6\text{m}^2$ nằm trong diện tích 16.590m^2 loại đất cây lâu năm, thửa 35, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp GT, xã LT, thị xã DH, tỉnh Trà Vinh thuộc quyền sử dụng của ông.

4.1 Giao cho hộ Ông Nguyễn Văn Ch, Bà Hà Thị B, chị Nguyễn Thị Thúy Ngọc và anh Nguyễn Văn Thắng được quyền sử dụng diện tích 1.681,6m² đất tranh chấp nằm trong diện tích 16.590m² loại đất cây lâu năm, thửa 35, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp GT, xã LT, thị xã DH, tỉnh Trà Vinh.

(Vị trí diện tích 1.681,6m² đất (Phần B) được xác định theo Sơ đồ khu đất kèm theo bản án này).

4.2 Buộc hộ Ông Nguyễn Văn Ch, Bà Hà Thị B, chị Nguyễn Thị Thúy Ngọc và anh Nguyễn Văn Thắng có trách Nhiệm hoàn trả tiền giá trị quyền sử dụng đất cho những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Huỳnh Văn H bằng 40.358.400 đồng.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên vị trí tứ cận đất được công nhận, nghĩa vụ chịu chi phí thẩm định, định giá, án phí dân sự sơ thẩm, quyền kháng cáo và thời hiệu thi hành án theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 02 tháng 7 năm 2018 bị đơn ông Trương Văn V kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu phản tố công nhận diện tích 10.384,9m² là thuộc quyền sử dụng của ông. Ông không đồng ý trả diện tích 8.119,1m² và không đồng ý hoàn trả tiền giá trị quyền sử dụng đất diện tích 1.363,6m² và diện tích 902,2m² cho những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Huỳnh Văn H bằng 54.379.200 đồng.

Ngày 05-7-2018 bị đơn Ông Nguyễn Văn Ch kháng cáo yêu cầu công nhận diện tích 1.681,6m² nằm trong diện tích 16.590m² loại đất cây lâu năm, thửa 35, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp GT, xã LT, thị xã DH, tỉnh Trà Vinh thuộc quyền sử dụng của ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện của những người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên kháng cáo, các đương sự không cung cấp, bổ sung tài liệu chứng cứ mới và không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết nội dung vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Bị đơn ông V và Ông Ch cho rằng theo biên bản giao đất năm 1998 phần đất được nhà nước cấp có hướng Nam dài đến sông Giồng TRm. Tuy Nhên, đến năm 1995 bị đơn được cấp giấy chứng nhận nhưng không có phần đất đang tranh chấp và cũng không có khiếu nại. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn là đúng. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Xét đơn kháng cáo của ông Trương Văn V, Nguyễn Văn Chiến còn trong hạn luật định được Hội đồng xét xử chấp nhận. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa ngày hôm nay đã có ủy quyền cho người có mặt tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt.

[2] Về nội dung: Hộ bà Nguyễn Thị T (vợ ông Trương Văn V) và hộ Ông Nguyễn Văn Ch được đại diện Ủy ban nhân dân xã LT, huyện DH xét cấp đất rừng theo biên bản giao đất ngày 26-4-1989 chỉ thể hiện vị trí, độ dài các cạnh chưa thể hiện thửa đất và diện tích bao Nhêu. Trong đó, phần đất được cấp cho hộ bà Tám thể hiện hướng Nam dài 60 mét giáp sông Giồng TRm (phần đất tranh chấp) và phần đất cấp cho hộ Ông Ch thể hiện hướng Nam dài 30 mét giáp sông Giồng TRm (phần đất tranh chấp). Ngày 08 - 8 -1995 hộ ông Trương Văn V và hộ Ông Nguyễn Văn Ch được UBND huyện DH cấp giấy chứng nhận. Cụ thể: Hộ ông Trương Văn V được cấp diện tích 40.090m² thửa 36, tờ bản đồ số 3 tọa lạc tại ấp GT, xã LT, thị xã DH, tỉnh Trà Vinh. Hộ Ông Nguyễn Văn Ch được cấp diện tích 17.990m² thửa 37, tờ bản đồ số 3 tọa lạc tại ấp GT, xã LT, thị xã DH, tỉnh Trà Vinh. Trong đó, hướng Nam của hai thửa đất trên đều giáp phần thửa đất 35, diện tích 16.590m² tờ bản đồ số 3 tọa lạc tại ấp GT, xã LT, thị xã DH, tỉnh Trà Vinh đã được UBND huyện DH cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 02-01-1998 cho hộ ông Huỳnh Văn H. Ủy ban nhân dân huyện DH (nay là thị xã DH) xác định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông V thửa 36 diện tích 40.090m² và cấp cho Ông Ch diện tích 17.990m² và cấp quyền sử dụng cho ông H thửa 35 diện tích 16.590m² là đúng trình tự, thủ tục và đúng đối tượng theo quy định của pháp luật về đất đai. Sau khi được cấp giấy chứng nhận các bên không ai có khiếu nại gì về diện tích đất được cấp. Từ đó, căn cứ vào hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và sơ đồ khu đất ngày 21-6-2018 của Văn phòng đăng ký đất thị xã DH thì thực tế hộ ông V và hộ Ông Ch đã sử dụng lấn sang phần đất của hộ ông H. Ông V và Ông Ch chỉ dựa vào biên bản giao đất ngày 26-4-1989 của UBND xã LT, huyện DH chưa thể hiện đầy đủ thông tin diện tích đất được cấp cũng như chiều dài phần đất ở vị trí phía Nam của hộ ông V và Ông Ch đang sử dụng cũng không trùng khớp chiều dài phần đất thực tế các bên sử dụng để yêu cầu phản tố là chưa phù hợp nên cấp sơ thẩm công nhận yêu cầu của nguyên đơn bác yêu cầu phản tố của bị đơn là có cơ sở.

[3] Từ những phân tích trên, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã xác minh làm rõ quá trình sử dụng đất, nguồn gốc đất tranh chấp và nhận định chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn H là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[4] Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh đề nghị bác

yêu cầu kháng cáo của ông Trương Văn V, Ông Nguyễn Văn Ch, giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp nên được chấp nhận.

[5] Về án phí:

Do ông Trương Văn V, sinh năm 1951 là người cao tuổi và có đơn xin miễn giảm án phí do đó được miễn án phí phúc thẩm. Ông Nguyễn Văn Ch không thuộc trường hợp được miễn giảm án phí nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39; các điều 74, 147, 157, 165, 228 và Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 2, 3 Luật đất đai năm 1993; các điều 100, 166 và 203 của Luật đất đai năm 2013; Điều 252, 468 Bộ luật Dân sự. Căn cứ Nghị định số 70/CP ngày 12/6/1997 của Chính phủ về án phí, lệ phí Tòa án; Điều 12, 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Trương Văn V và Ông Nguyễn Văn Ch.

2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 11/2017/DS-ST ngày 15/8/2017 của Tòa án nhân dân thị xã DH.

3. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn H và người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông H, yêu cầu hộ ông Nguyễn Văn Ch, Bà Hà Thị B hoàn trả tiền giá trị quyền sử dụng đất diện tích 1.681,6m² nằm trong thửa 35, diện tích 16.590m². Yêu cầu hộ ông Trương Văn V, bà Nguyễn Thị Voi (Tám) hoàn trả tiền giá trị quyền sử dụng đất diện tích 2.265,8m² và trả diện tích đất 8.119,1m² nằm trong thửa 35, diện tích 16.590m² tọa lạc ấp GT, xã LT, thị xã DH, tỉnh Trà Vinh.

4. Đình chỉ xét xử việc ông Phan Văn L rút yêu cầu độc lập với ông Huỳnh Văn H. Đình chỉ xét xử việc ông Huỳnh Văn H rút yêu cầu khởi kiện đối với ông Lê Văn Nh. Đình chỉ xét xử việc ông Huỳnh Văn Th đại diện cho những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông H rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện tranh chấp về đất đối với ông Phan Văn L, ông Lê Văn Nh, rút toàn bộ yêu cầu tranh chấp số tiền 10.500.000 đồng đối với ông Trương Văn V, Ông Nguyễn Văn Ch, ông Phan Văn L, ông Lê Văn Nh và đình chỉ xét xử việc Ông Nguyễn Văn Ch rút một phần yêu cầu phản tố đối với diện tích 427,2m² đất chênh lệch (2.108,8 m² - 1.681,6 m²) đối với kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông H.

5. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Trương Văn V yêu cầu công nhận diện tích đất 10.384,9m² nằm trong diện tích 16.590m² loại đất cây lâu năm, thửa 35, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp GT, xã LT, thị xã DH, tỉnh Trà Vinh thuộc quyền sử dụng của ông.

Giao cho hộ ông Trương Văn V, bà Nguyễn Thị T được tiếp tục sử dụng diện tích 902,2m² đất (Phần C) tranh chấp nằm trong diện tích 16.590m² loại đất cây lâu năm, thửa 35, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp GT, xã LT, thị xã DH, tỉnh Trà Vinh. Có tứ cận như sau:

- + Hướng đông giáp ranh thửa 37, 36 là điểm cố định (trụ đá).
- + Hướng tây giáp ranh thửa 35 có số đo 21m.
- + Hướng nam giáp ranh thửa 35 có số đo 84,1m.
- + Hướng bắc giáp ranh thửa 36 (ao tôm của ông V) có số đo lần lượt 04 đoạn (57,6m + 7,6m + 27,4m + 5,8m).

Giao cho hộ ông Trương Văn V, bà Nguyễn Thị T được tiếp tục sử dụng diện tích 1.363,6m² đất (Phần D) làm đường xỏ nước nằm trong diện tích 16.590m² loại đất cây lâu năm, thửa 35, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp GT, xã LT, thị xã DH, tỉnh Trà Vinh. Có tứ cận như sau:

- + Hướng đông giáp ranh thửa 35 (phần Ông Ch sử dụng) có số đo 75,2m.
- + Hướng tây giáp ranh thửa 35 có số đo 80,1m.
- + Hướng nam giáp Sông Giồng TRm có số đo 20m (tính từ ranh Ông Ch sử dụng qua thửa 35).
- + Hướng bắc giáp ranh thửa 35 (đất đào ao, phần C) có số đo 20m (tính từ ranh Ông Ch sử dụng qua thửa 35).

Buộc hộ ông Trương Văn V, bà Nguyễn Thị T, anh Trương Văn T, chị Trương Thị Hồng R có trách nhiệm giao trả cho những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tổ tụng của ông Huỳnh Văn H diện tích 8.119,1m² nằm trong thửa 35, diện tích 16.590m² tọa lạc ấp GT, xã LT, thị xã DH, tỉnh Trà Vinh. Có tứ cận như sau:

- + Hướng đông giáp ranh thửa 35 (phần D dành cho ông V sử dụng 1.363,6m²) có số đo 80,1m.
- + Hướng tây giáp ranh thửa 35 có số đo 120,7m.
- + Hướng nam giáp Sông Giồng TRm có số đo 73,4m
- + Hướng bắc giáp thửa 35 có số đo 85,1m, gồm hai đoạn (64,1m + 21m).

(Vị trí diện tích 902,2m² đất (Phần C); diện tích 1.363,6m² đất (Phần D) và diện tích 8.119,1m² được xác định theo Sơ đồ khu đất kèm theo bản án này).

Buộc hộ ông Trương Văn V, bà Nguyễn Thị T, anh Trương Văn Tuấn, chị Trương Thị Hồng R có trách Nhiệm hoàn trả tiền giá trị quyền sử dụng đất diện tích 1.363,6m² và diện tích 902,2m² cho những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tổ tụng của ông Huỳnh Văn H bằng 54.379.200 đồng.

6. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn Ông Nguyễn Văn Ch yêu cầu công nhận diện tích 1.681,6m² nằm trong diện tích 16.590m² loại đất cây lâu năm, thửa 35, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp GT, xã LT, thị xã DH, tỉnh Trà Vinh thuộc quyền sử dụng của ông.

Giao cho hộ Ông Nguyễn Văn Ch, Bà Hà Thị B, chị Nguyễn Thị Thúy Ng và anh Nguyễn Văn Th được quyền sử dụng diện tích 1.681,6m² đất tranh chấp nằm trong diện tích 16.590m² loại đất cây lâu năm, thửa 35, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp GT, xã LT, thị xã DH, tỉnh Trà Vinh.

- + Hướng đông giáp thửa 39 có số đo 71m.

- + Hướng tây giáp thửa 35 có số đo 75,2m.
- + Hướng nam giáp Sông Giồng TRm có số đo 22,6m.
- + Hướng bắc giáp thửa 37 có số đo 27,5m.

(Vị trí diện tích 1.681,6m² đất (Phần B) được xác định theo Sơ đồ khu đất kèm theo bản án này).

Buộc hộ Ông Nguyễn Văn Ch, Bà Hà Thị B, chị Nguyễn Thị Thúy Ng và anh Nguyễn Văn Th có trách Nhiệm hoàn trả tiền giá trị quyền sử dụng đất cho những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Huỳnh Văn H bằng 40.358.400 đồng.

7. Về chi phí thẩm định định giá tài sản là 17.106.818 đồng: Buộc hộ Ông Nguyễn Văn Ch phải chịu 2.396.000 đồng tương ứng diện tích 1.681,6m² và buộc hộ ông Trương Văn V phải chịu 14.710.818 đồng để hoàn trả cho những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Huỳnh Văn H tương ứng với diện tích 10.384,9m² phần tố không được chấp nhận.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

8. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Huỳnh Văn H được miễn toàn bộ án phí. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Hồng S số tiền tạm ứng án phí đã nộp 625.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 002528 ngày 07/7/2006 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện DH. Hoàn trả cho ông Huỳnh Văn Th đại diện cho những kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông H số tiền 818.886 đồng tạm ứng án phí nhưng được khấu trừ vào số tiền ông H đã nộp 1.200.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 001319 ngày 23/4/2009 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện DH do tại Quyết định đình chỉ vụ án số 20/2012/QĐST-DS ngày 14/8/2012 của Tòa án nhân dân huyện DH đã hoàn trả cho ông Huỳnh Văn Th số tiền 381.114 đồng.

Hoàn trả cho ông Huỳnh Văn Th đại diện cho những kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông H số tiền tạm ứng án phí ông Th đã nộp 902.500 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0012351 ngày 31/8/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện DH.

Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho hộ ông Trương Văn V. Hoàn trả cho ông V số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.596.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006324 ngày 08/9/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã DH.

Buộc hộ Ông Nguyễn Văn Ch phải chịu 2.017.920 đồng án phí, nhưng được trừ vào số tiền Ông Nguyễn Văn Ch số tiền tạm ứng án phí đã nộp 50.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 005422 ngày 18/9/2007 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện DH và số tiền 527.200 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006322 ngày 29/8/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã DH. Hộ Ông Ch còn phải nộp tiếp 1.440.720 đồng.

Hoàn trả cho ông Phan Văn L số tiền tạm ứng án phí đã nộp 50.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 005421 ngày 18/9/2007 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện DH.

9. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trương Văn V được miễn toàn bộ án phí phúc thẩm. Ông Nguyễn Văn Ch phải chịu 300.000 đồng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng theo biên lai thu số 0017545 ngày 05 tháng 7 năm 2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã DH, tỉnh Trà Vinh.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị tiếp tục có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- TAND thị xã DH;
- CCTHADS thị xã DH;
- Các đương sự;
- Lưu HS,TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tổng Văn Viên